

Số: 84 /2013/TTLT-BTC-BCT-BGTVT

Hà Nội, ngày 25 tháng 6 năm 2013

**THÔNG TƯ LIÊN TỊCH**  
**Hướng dẫn thực hiện Quyết định số 48/2011/QĐ-TTg**  
**ngày 31 tháng 8 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc thí điểm**  
**thực hiện Cơ chế hải quan một cửa quốc gia**

*Căn cứ Nghị định số 36/2012/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2012 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;*

*Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;*

*Căn cứ Nghị định 95/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;*

*Căn cứ Nghị định số 107/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;*

*Căn cứ Nghị định số 87/2012/NĐ-CP ngày 23 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hải quan về thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thương mại;*

*Căn cứ Nghị định số 21/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ quy định về quản lý cảng biển và luồng hàng hải;*

*Căn cứ Quyết định số 48/2011/QĐ-TTg ngày 31 tháng 8 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc thí điểm thực hiện Cơ chế hải quan một cửa quốc gia (sau đây gọi là Quyết định số 48/2011/QĐ-TTg);*

*Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Công Thương, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư liên tịch hướng dẫn thực hiện Quyết định số 48/2011/QĐ-TTg (giai đoạn 1).*

**Chương I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này hướng dẫn thực hiện Quyết định số 48/2011/QĐ-TTg về việc thí điểm thực hiện Cơ chế hải quan một cửa quốc gia về các nội dung sau:

1. Quy định về danh mục các thủ tục hành chính áp dụng thí điểm Cơ chế hải quan một cửa quốc gia (sau đây gọi là các thủ tục hành chính một cửa), gồm:

- a) Các thủ tục hành chính một cửa của Bộ Tài chính;
- b) Các thủ tục hành chính một cửa của Bộ Công Thương;
- c) Các thủ tục hành chính một cửa của Bộ Giao thông vận tải.

Danh mục các thủ tục hành chính một cửa của Bộ Tài chính, Bộ Công Thương, Bộ Giao thông vận tải được quy định tại Phụ lục I Thông tư này.

2. Quy định về quy trình khai và tiếp nhận thông tin khai bằng phương tiện điện tử; các tiêu chí, định dạng của chứng từ điện tử được sử dụng để thực hiện các thủ tục hành chính một cửa tại khoản 1 Điều này.

3. Những vấn đề khác liên quan tới các thủ tục hành chính một cửa thuộc khoản 1 Điều này được thực hiện theo các quy định hiện hành.

## **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Tài chính, Bộ Công Thương, Bộ Giao thông vận tải có chức năng xử lý, cấp phép đối với các thủ tục hành chính một cửa quy định tại khoản 1 Điều 1 Thông tư này.

2. Các doanh nghiệp có hàng hóa xuất nhập khẩu, phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh; các tổ chức, cá nhân liên quan trong việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu và phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh lựa chọn phương thức thực hiện các thủ tục hành chính một cửa thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia và đáp ứng điều kiện về công nghệ thông tin và các yêu cầu về kỹ thuật theo quy định tại điểm e khoản 3 Điều 16 Thông tư này.

## **Điều 3. Giải thích từ ngữ**

Trong Thông tư này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. **Chứng từ hành chính hải quan một cửa** là thông tin được tạo ra, gửi đi, nhận và lưu trữ bằng phương tiện điện tử để thực hiện các thủ tục hành chính một cửa trên Cổng thông tin một cửa quốc gia.

2. **Cơ quan xử lý thủ tục hành chính một cửa (sau đây gọi là Cơ quan xử lý)** là cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Tài chính, Bộ Công Thương, Bộ Giao thông vận tải có chức năng xử lý, cấp phép đối với các thủ tục hành chính theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Thông tư này.

3. **Người khai** là tổ chức hoặc cá nhân thực hiện các thủ tục hành chính một cửa theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Thông tư này.

4. **Người sử dụng hệ thống** là các đối tượng theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Thông tư này được phép truy cập vào Cổng thông tin một cửa quốc gia.

5. **Thông tin bí mật** là những thông tin do người sử dụng hệ thống tạo lập và xác định thông tin đó là “mật” theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước, Luật Thương mại và các luật, quy định khác có liên quan.

6. **Đơn vị quản lý Cổng thông tin một cửa quốc gia** là Tổng cục Hải quan (Bộ Tài chính).

#### **Điều 4. Cơ chế hải quan một cửa quốc gia**

1. Cơ chế hải quan một cửa quốc gia theo quy định tại Điều 1 Quyết định số 48/2011/QĐ-TTg là một hệ thống tích hợp, bao gồm: Cổng thông tin một cửa quốc gia, hệ thống thông quan của cơ quan hải quan, các hệ thống cấp phép của Bộ Công Thương, hệ thống thông tin của Bộ Giao thông vận tải và các hệ thống công nghệ thông tin khác (dưới đây gọi là các hệ thống xử lý chuyên ngành).

2. Các thủ tục hành chính hải quan một cửa và việc trao đổi thông tin giữa các cơ quan xử lý thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia được thực hiện như sau:

a) Người khai, các cơ quan xử lý gửi thông tin về thủ tục hành chính hải quan một cửa tới Cổng thông tin một cửa quốc gia;

b) Cổng thông tin một cửa quốc gia tiếp nhận và chuyển tiếp thông tin đến các hệ thống xử lý chuyên ngành;

c) Các cơ quan xử lý tiếp nhận, xử lý thông tin, phản hồi trạng thái tiếp nhận/xử lý, trả kết quả xử lý tới Cổng thông tin một cửa quốc gia;

d) Cổng thông tin một cửa quốc gia phản hồi trạng thái tiếp nhận/xử lý, trả kết quả xử lý thông tin tới người khai và hệ thống xử lý chuyên ngành có liên quan.

3. Việc ra quyết định trên Cơ chế hải quan một cửa quốc gia được thực hiện như sau:

a) Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Công Thương có chức năng cấp phép đối với các thủ tục hành chính một cửa theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 1 đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu cấp giấy phép, giấy chứng nhận cho thương nhân và gửi giấy phép, giấy chứng nhận hoặc kết quả xử lý khác tới cơ quan hải quan thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia;

b) Cảng vụ hàng hải là nơi ra quyết định cuối cùng đối với việc cho phép tàu biển xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh trên cơ sở kết quả xử lý thủ tục hành chính của các cơ quan quản lý nhà nước tại cảng biển được chuyển tới hệ thống xử lý chuyên ngành của Bộ Giao thông vận tải;

c) Cơ quan hải quan ra quyết định cuối cùng về việc thông quan hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh trên cơ sở giấy phép và các kết quả xử lý của cơ quan xử lý được chuyển tới hệ thống thông quan của cơ quan hải quan thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia.

## **Điều 5. Các giao dịch điện tử trên Cơ chế hải quan một cửa quốc gia**

Các giao dịch điện tử trên Cơ chế hải quan một cửa quốc gia (giao dịch điện tử) bao gồm:

1. Khai, nhận phản hồi thông tin về việc xử lý hồ sơ để thực hiện thủ tục hành chính một cửa trên Cổng thông tin một cửa quốc gia;
2. Tiếp nhận và chuyển thông tin khai từ Cổng thông tin một cửa quốc gia tới các hệ thống xử lý chuyên ngành;
3. Nhận kết quả xử lý từ các hệ thống xử lý chuyên ngành tới Cổng thông tin một cửa quốc gia;
4. Trao đổi thông tin giữa các hệ thống xử lý chuyên ngành thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia.

## **Điều 6. Chứng từ hành chính hải quan một cửa**

1. Chứng từ hành chính hải quan một cửa gồm:

- a) Tờ khai hải quan điện tử, Quyết định thông quan, giải phóng hàng hoặc đưa hàng hóa về bảo quản, kết quả xử lý khác của cơ quan hải quan;
- b) Thông báo tàu đến/rời cảng, quá cảnh; Lệnh điều động, Giấy phép rời cảng, Giấy phép quá cảnh, kết quả xử lý khác của Cảng vụ hàng hải;
- c) Đăng ký nhập khẩu các chất làm suy giảm tầng ô-dôn, Đơn đề nghị cấp giấy phép nhập khẩu vật liệu nổ công nghiệp, Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận Kimberley, Giấy chứng nhận KP xuất khẩu đã khai hoàn chỉnh, Đơn đăng ký nhập khẩu xe phân khối lớn; Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa mẫu D, mẫu Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa mẫu D đã được khai hoàn chỉnh; Giấy phép nhập khẩu các chất làm suy giảm tầng ô-dôn, Giấy phép xuất khẩu nhập khẩu vật liệu nổ công nghiệp, Giấy chứng nhận quy trình Kimberley đối với kim cương thô, Giấy phép nhập khẩu tự động xe mô-tô phân khối lớn, Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa mẫu D, kết quả xử lý khác của các cơ quan cấp phép thuộc Bộ Công Thương;
- d) Thông báo tiếp nhận (chấp nhận/từ chối/yêu cầu sửa đổi, bổ sung) thông tin khai trên Cổng thông tin một cửa quốc gia.

2. Giá trị pháp lý của chứng từ hành chính hải quan một cửa:

- a) Chứng từ hành chính hải quan một cửa có giá trị như chứng từ giấy;
- b) Chứng từ phải được lập theo đúng tiêu chí, định dạng mẫu của các Bộ đối với các thủ tục hành chính hải quan một cửa tại Phụ lục 1 Thông tư này;

c) Việc gửi, nhận, lưu trữ và giá trị pháp lý của chứng từ hành chính hải quan một cửa được thực hiện theo quy định của Luật Giao dịch điện tử và các quy định khác của pháp luật có liên quan;

d) Chứng từ hành chính hải quan một cửa phải đáp ứng đủ các yêu cầu của pháp luật chuyên ngành đối với các thủ tục hành chính một cửa;

đ) Chứng từ hành chính hải quan một cửa phải có chữ ký số của người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật chuyên ngành đối với các thủ tục hành chính một cửa (trong trường hợp người khai đăng ký sử dụng chữ ký số);

e) Việc tạo lập, chuyển đổi chứng từ điện tử từ chứng từ giấy và ngược lại được thực hiện theo pháp luật về giao dịch điện tử, pháp luật chuyên ngành đối với các thủ tục hành chính một cửa tại khoản 1 Điều 1 Thông tư này.

3. Hình thức, nội dung, phương thức nộp, xuất trình của các chứng từ khác trong hồ sơ để thực hiện các thủ tục hành chính một cửa tuân thủ các quy định pháp luật chuyên ngành hiện hành đối với thủ tục hành chính đó.

### **Điều 7. Đăng ký tài khoản người sử dụng Cổng thông tin một cửa quốc gia**

1. Trường hợp người khai đã được các Bộ, cơ quan hải quan cấp tài khoản truy cập các hệ thống xử lý chuyên ngành hiện có thì người khai lựa chọn sử dụng một trong các tài khoản đó để truy cập Cổng thông tin một cửa quốc gia và thông báo cho Đơn vị quản lý Cổng thông tin một cửa quốc gia bằng văn bản. Đơn vị quản lý Cổng thông tin một cửa quốc gia chịu trách nhiệm hướng dẫn người khai về việc sử dụng tài khoản đã đăng ký để truy cập Cổng thông tin một cửa quốc gia.

2. Trường hợp người khai chưa có tài khoản người sử dụng do các Bộ cấp, việc đăng ký tài khoản người sử dụng trên Cổng thông tin một cửa quốc gia sẽ được thực hiện như sau:

a) Người khai thực hiện thủ tục đăng ký hồ sơ xin cấp tài khoản người dùng với Đơn vị quản lý Cổng thông tin một cửa quốc gia; Trường hợp không chấp thuận hồ sơ hoặc hồ sơ chưa đầy đủ, Đơn vị quản lý Cổng thông tin một cửa quốc gia có trách nhiệm thông báo bằng văn bản (có nêu rõ lý do) tới người khai. Trường hợp hồ sơ đầy đủ và đáp ứng đủ điều kiện, Đơn vị quản lý Cổng thông tin một cửa quốc gia thông báo chấp nhận hồ sơ cho người khai bằng văn bản hoặc thư điện tử. Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, Đơn vị quản lý Cổng thông tin một cửa quốc gia có trách nhiệm gửi thông báo chấp nhận hoặc không chấp nhận tới người khai. Người khai truy cập Cổng thông tin một cửa quốc gia, sử dụng chức năng đăng ký người sử dụng, khai báo đầy đủ và chính xác các thông tin tài khoản theo mẫu quy định tại Phụ lục II Thông tư này;